

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN HÀNG KHÔNG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017  
(đã được kiểm toán)

## **NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 30
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 30



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần In Hàng Không (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Hàng Không là doanh nghiệp cổ phần được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1900/QĐ-BGTVT ngày 07/06/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển Công ty In Hàng không thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103009389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/10/2005 và thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 11 ngày 23 tháng 08 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 200 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Quang Thiệp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thái Linh	Thành viên
Ông Trần Thế Anh	Thành viên
Ông Trần Văn Xê	Thành viên
Ông Lê Xuân Thành	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Quang Thiệp	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	(Nghỉ hưu từ ngày 01/03/2018)
Ông Lê Xuân Thành	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Thanh Nhân	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Lê Thị Hải Hà	Thành viên
Bà Phạm Thị Thanh Thúy	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

1110  
CÔNG  
CHÍNH  
HANG Y  
A  
HOA



**Công ty Cổ phần In Hàng Không**

Số 200 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Phạm Quang Thiệp**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018





**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần In Hàng Không**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần In Hàng Không được lập ngày 15 tháng 03 năm 2018, từ trang 5 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Hàng Không tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Đỗ Thị Ngọc Dung**  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0659-2018-002-1  
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2018

**Nguyễn Anh Ngọc**  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1437-2018-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>62.469.105.382</b>	<b>46.188.811.442</b>
<b>110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>13.820.170.711</b>	<b>11.380.970.497</b>
111 1. Tiền		13.820.170.711	11.380.970.497
<b>130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>33.189.520.935</b>	<b>18.656.226.902</b>
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	34.592.964.316	20.184.354.781
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		457.632.320	680.308.063
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	5	293.609.891	208.299.650
137 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.172.078.985)	(2.434.128.985)
139 5. Tài sản thiếu chờ xử lý		17.393.393	17.393.393
<b>140 IV. Hàng tồn kho</b>	<b>7</b>	<b>15.406.701.316</b>	<b>15.419.474.001</b>
141 1. Hàng tồn kho		15.406.701.316	15.419.474.001
<b>150 V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>52.712.420</b>	<b>732.140.042</b>
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	-	325.441.181
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		50.712.420	384.605.194
153 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	2.000.000	22.093.667
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>18.359.897.074</b>	<b>7.640.183.987</b>
<b>210 I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>180.000.000</b>	<b>40.000.000</b>
216 1. Phải thu dài hạn khác	5	180.000.000	40.000.000
<b>220 II. Tài sản cố định</b>		<b>17.704.636.637</b>	<b>6.879.705.531</b>
221 1. Tài sản cố định hữu hình	8	17.704.636.637	6.833.455.539
222 - Nguyên giá		76.141.919.627	63.301.913.850
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(58.437.282.990)	(56.468.458.311)
227 2. Tài sản cố định vô hình	9	-	46.249.992
228 - Nguyên giá		150.000.000	150.000.000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(150.000.000)	(103.750.008)
<b>260 VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>475.260.437</b>	<b>720.478.456</b>
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	10	475.260.437	720.478.456
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>80.829.002.456</b>	<b>53.828.995.429</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
<b>300 C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>52.120.575.157</b>	<b>26.169.002.355</b>
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>48.220.575.157</b>	<b>26.169.002.355</b>
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	31.630.867.329	20.517.919.331
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		395.300.934	525.764.457
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.478.736.867	478.101.840
314 4. Phải trả người lao động		3.197.120.436	3.525.423.592
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	1.405.238.917	131.261.523
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	15	864.890.272	426.532.756
320 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11	8.564.679.019	-
322 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		683.741.383	563.998.856
<b>330 II. Nợ dài hạn</b>		<b>3.900.000.000</b>	<b>-</b>
338 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	11	3.900.000.000	-
<b>400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>28.708.427.299</b>	<b>27.659.993.074</b>
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>28.708.427.299</b>	<b>27.659.993.074</b>
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		21.419.280.000	21.419.280.000
411a Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		21.419.280.000	21.419.280.000
418 2. Quỹ đầu tư phát triển		1.135.085.930	767.816.456
420 3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		520.378.354	520.378.354
421 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.633.683.015	4.952.518.264
421a LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.459.392.663	1.279.823.524
421b LNST chưa phân phối năm nay		4.174.290.352	3.672.694.740
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>80.829.002.456</b>	<b>53.828.995.429</b>




Nguyễn Thị Thoan  
Người lập biểu



Ngô Xuân Giảng  
Kế toán trưởng



  
Phạm Quang Thiệp  
Tổng Giám đốc


Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

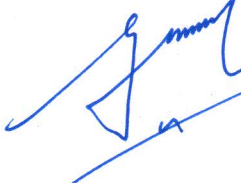




## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
		VND	VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	216.993.985.169	193.154.415.301
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		216.993.985.169	193.154.415.301
11 4. Giá vốn hàng bán	19	191.188.374.886	170.233.416.089
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		25.805.610.283	22.920.999.212
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	25.356.786	64.861.279
22 7. Chi phí tài chính	21	348.152.712	3.546.597
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		348.109.000	-
25 8. Chi phí bán hàng	22	4.407.708.866	4.011.521.830
26 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	16.001.711.486	14.432.844.623
30 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.073.394.005	4.537.947.441
31 11. Thu nhập khác	24	464.465.506	362.935.374
32 12. Chi phí khác	25	296.541.241	230.587.015
40 13. Lợi nhuận khác		167.924.265	132.348.359
50 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.241.318.270	4.670.295.800
51 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26	1.067.027.918	997.601.060
52 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>4.174.290.352</u>	<u>3.672.694.740</u>
70 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	1.949	1.715

  
Nguyễn Thị Thoan  
Người lập biểu

  
Ngô Xuân Giảng  
Kế toán trưởng

  
  
Phạm Quang Thiệp  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		223.510.432.699	218.318.489.543
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(183.925.120.005)	(183.925.120.005)	(177.334.518.986)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(19.168.772.913)	(19.168.772.913)	(15.835.906.767)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	(332.827.394)	(332.827.394)	-
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(938.740.779)	(938.740.779)	(959.187.139)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	380.173.759	380.173.759	2.618.781
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(15.104.775.236)	(15.104.775.236)	(14.087.304.520)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>4.420.370.131</i>	<i>10.104.190.912</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(12.370.617.064)	(12.370.617.064)	(4.067.737.045)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	270.130.000	270.130.000	(37.972.906)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25.130.964	25.130.964	58.675.601
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>(12.075.356.100)</i>	<i>(12.075.356.100)</i>	<i>(4.047.034.350)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	3. Tiền thu từ đi vay	16.364.678.934	16.364.678.934	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	(3.899.999.915)	(3.899.999.915)	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(2.370.718.658)	(2.370.718.658)	(3.033.866.700)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>10.093.960.361</i>	<i>10.093.960.361</i>	<i>(3.033.866.700)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>2.438.974.392</i>	<i>3.023.289.862</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		11.380.970.497	8.355.041.554
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		225.822	2.639.081
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>13.820.170.711</u>	<u>11.380.970.497</u>

Nguyễn Thị Thoan  
Người lập biểu

Ngô Xuân Giảng  
Kế toán trưởng

Phạm Quang Thiệp  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2017

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Hàng Không là doanh nghiệp cổ phần được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1900/QĐ-BGTVT ngày 07/06/2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển Công ty In Hàng không thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103009389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/10/2005 và thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 11 ngày 23 tháng 08 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 200 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 21.419.280.000 đồng, tương ứng 2.141.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực in ấn.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Mua bán sơ chế, gia công, đóng gói các mặt hàng muối, đường, hạt tiêu và các mặt hàng thực phẩm;
- Dịch vụ sửa chữa thiết bị ngành in;
- Sản xuất, buôn bán các mặt hàng nhựa;
- Sản xuất kinh doanh các mặt hàng giấy;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành in;
- Sản xuất, in bao bì các loại;
- In vé máy bay, vé cầu đường, hóa đơn tài chính, lệ phí sân bay, bến bãi, nhãn hàng hóa, bao bì, sách và các ấn phẩm văn hóa khác.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2017 Công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh truyền thống là cung cấp sản phẩm in cho ngành hàng không và các sản phẩm in theo đơn đặt hàng. Ngoài ra, theo Nghị Quyết số 74/NQ/HĐQT-CPIHK ngày 10/07/2017 của Hội đồng Quản trị, Chi nhánh Miền Trung tại Đà Nẵng tạm dừng hoạt động từ ngày 01/08/2017.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

<u>Các đơn vị trực thuộc:</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh phía Nam Công ty CP In Hàng Không	C5/6A1 Ấp 3, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh	In ấn
Chi nhánh Miền Trung Công ty CP In Hàng Không	K535/19, Trung Nữ Vương, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	In ấn



## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty. Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

### 2.4 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## 2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## 2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Phương pháp tính giá hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.





Phương pháp kế toán Hàng tồn kho: Nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên, sản phẩm dở dang và thành phẩm theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo chi phí nguyên vật liệu chính. Thành phẩm tồn kho cuối kỳ được xác định theo định mức nguyên vật liệu chính, đơn giá chi phí nhân công theo từng sản phẩm và chi phí sản xuất chung phân bổ cho doanh thu thực hiện trong kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-25 năm
- Máy móc, thiết bị	05-10 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị văn phòng	03-05 năm
- Phần mềm quản lý	03-08 năm

## 2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

## 2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.





#### 2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### 2.16 . Doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### 2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.18 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**2.20 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	355.121.302	666.315.749
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.465.049.409	10.714.654.748
	<b><u>13.820.170.711</u></b>	<b><u>11.380.970.497</u></b>

**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - Trung tâm Khai thác Nội Bài	2.039.368.052	3.377.589.644
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - Trung tâm khai thác Tân Sơn Nhất	9.649.979.170	2.322.952.467
- Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	2.125.088.955	241.340.000
- Tổng Công ty Cảng Hàng không ACV	3.671.297.909	2.398.425.000
- Tổng công ty Hàng không Việt Nam - Tạp chí Heritage	2.745.169.056	-
- Tổng công ty Hàng không Việt Nam - Ban đầu tư mua sắm	2.351.626.965	906.572.821
- Công ty Cổ phần hàng không Jetstar Pacific Airlines	981.772.000	583.792.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	11.028.662.209	10.353.682.849
	<b><u>34.592.964.316</u></b>	<b><u>20.184.354.781</u></b>

01001  
CỔ  
TRÁCH N  
HÀNG K  
AF  
N KIẾ



**5 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>293.609.891</b>	-	<b>208.299.650</b>	-
- Tạm ứng	53.983.002	-	48.983.002	-
- Ký cược, ký quỹ	70.000.000	-	-	-
- Bảo hiểm xã hội	81.797.043	-	78.984.657	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.673.535	-	4.054.025	-
- Phải thu khác	83.156.311	-	76.277.966	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>180.000.000</b>		<b>40.000.000</b>	
- Ký cược, ký quỹ	180.000.000		40.000.000	
	<b>473.609.891</b>	-	<b>248.299.650</b>	-

**6 . NỢ XẤU**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi</b>				
- Tạp chí Bầu trời rộng mở	1.079.830.559	-	1.079.830.559	-
- Công ty CP Hàng không Đông Dương	571.962.233	-	571.962.233	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Hòa Bình	254.978.447	-	254.978.447	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	-	-	262.050.000	-
- Các đối tượng khác	265.307.746	-	265.307.746	-
	<b>2.172.078.985</b>	-	<b>2.434.128.985</b>	-

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	10.227.319.423	-	9.701.245.318	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	269.055.424	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	784.711.721	-	753.787.688	-
- Thành phẩm	3.866.260.551	-	3.810.785.053	-
- Hàng hóa	528.409.621	-	884.600.518	-
	<b>15.406.701.316</b>	-	<b>15.419.474.001</b>	-

105  
CÔNG TY  
HỮU HỮU  
M T O A  
3 C  
TP. H



**8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Xem chi tiết Phụ lục 01

**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản vô hình là Phần mềm máy vi tính với Nguyên giá là 150.000.000 đồng và Giá trị hao mòn lũy kế đến 31/12/2017 là 150.000.000 đồng trong đó khấu hao trong năm là 46.249.992 đồng.

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	325.441.181
	<u>-</u>	<u>325.441.181</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	475.260.437	720.478.456
	<u>475.260.437</u>	<u>720.478.456</u>

**11 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

a) Vay ngắn hạn Xem chi tiết Phụ lục 02

b) Vay dài hạn Xem chi tiết Phụ lục 02

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Vũ Hoàng Minh	8.217.447.646	8.217.447.646	6.172.647.851	6.172.647.851
- Công ty TNHH Công nghiệp giấy và Sản xuất bao bì Ngọc Diệp	1.982.851.108	1.982.851.108	992.892.636	992.892.636
- Công ty CP Công nghiệp giấy Ngọc Việt	295.073.291	295.073.291	31.632.767	31.632.767
- Công ty CP Nhựa Bắc Giang	2.692.883.600	2.692.883.600	1.518.883.410	1.518.883.410
- Công ty In Văn hóa Sài Gòn	4.550.713.300	4.550.713.300	2.302.826.000	2.302.826.000
- Phải trả các đối tượng khác	13.891.898.384	13.891.898.384	9.499.036.667	9.499.036.667
	<u>31.630.867.329</u>	<u>31.630.867.329</u>	<u>20.517.919.331</u>	<u>20.517.919.331</u>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<u>322.418.706</u>	<u>322.418.706</u>	<u>361.765.093</u>	<u>361.765.093</u>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Xem chi tiết Phụ lục 03

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Trích trước tiền ăn ca tháng 12	95.700.000	95.075.000
- Trích trước tiền ăn ca bổ sung năm 2017	357.160.000	-
- Thù lao HĐQT, BKS	162.000.000	-
- Lãi vay phải trả	15.281.606	-
- Phụ cấp độc hại	24.340.000	21.980.000
- Chi phí phải trả tiền trang phục cho nhân viên	695.000.000	-
- Các khoản phải trả khác	55.757.311	14.206.523
	<b>1.405.238.917</b>	<b>131.261.523</b>

**15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết	808.424	808.424
- Kinh phí công đoàn	240.988.473	184.523.873
- Bảo hiểm xã hội	1.060.130	7.570
- Bảo hiểm y tế	1.439.999	1.133.660
- Quỹ hoạt động xã hội	105.038.660	19.447.826
- Phải trả về cổ tức	188.741.524	109.249.675
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	326.813.062	111.361.728
	<b>864.890.272</b>	<b>426.532.756</b>

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Xem chi tiết Phụ lục 04

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Phạm Quang Thiệp	2.843.380.000	13,27	2.843.380.000	13,27
Ông Lê Xuân Thành	1.359.650.000	6,35	1.359.650.000	6,35
Bà Lý Thị Phương	2.424.000.000	11,32	1.200.000.000	5,60
Bà Phạm Thị Thanh Thuý	-	-	1.224.000.000	5,71
Ông Ngô Xuân Giảng	1.096.030.000	5,12	1.096.030.000	5,12
Các cổ đông khác	13.696.220.000	63,94	13.696.220.000	63,94
	<b>21.419.280.000</b>	<b>100,00</b>	<b>21.419.280.000</b>	<b>100,00</b>



16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	21.419.280.000	21.419.280.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	21.419.280.000	21.419.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	2.570.313.600	3.105.795.600

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.141.928	2.141.928
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.141.928	2.141.928
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.141.928	2.141.928
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.141.928	2.141.928
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.141.928	2.141.928
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

f) Các quỹ của công ty

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.135.085.930	767.816.456
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	520.378.354	520.378.354
	<b>1.655.464.284</b>	<b>1.288.194.810</b>

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ cuối năm

	31/12/2017	01/01/2017
Đô la Mỹ (USD)	1.321,0	1.345,0
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	52,0	61,0

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	216.993.985.169	193.154.415.301
	<b>216.993.985.169</b>	<b>193.154.415.301</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan ( <i>Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32</i> )	<b>136.624.063</b>	<b>137.834.097</b>

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	191.188.374.886	170.233.416.089
	<b><u>191.188.374.886</u></b>	<b><u>170.233.416.089</u></b>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	25.130.964	58.675.601
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	6.044.259
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	225.822	141.419
	<b><u>25.356.786</u></b>	<b><u>64.861.279</u></b>

**21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	348.109.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	43.712	3.546.597
	<b><u>348.152.712</u></b>	<b><u>3.546.597</u></b>

**22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.989.761	25.241.008
Chi phí nhân công	737.113.838	777.326.678
Chi phí khấu hao tài sản cố định	92.286.972	46.028.314
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.931.975.773	2.339.533.895
Chi phí khác bằng tiền	611.342.522	823.391.935
	<b><u>4.407.708.866</u></b>	<b><u>4.011.521.830</u></b>

**23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	503.895.796	669.603.329
Chi phí nhân công	8.011.492.109	7.455.350.677
Chi phí khấu hao tài sản cố định	96.857.636	105.441.960
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(262.050.000)	94.012.533
Thuế, phí, và lệ phí	1.060.430.328	502.301.540
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.580.993.963	2.665.582.855
Chi phí khác bằng tiền	3.010.091.654	2.940.551.729
	<b><u>16.001.711.486</u></b>	<b><u>14.432.844.623</u></b>



**24 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Bán phế liệu	453.822.588	332.151.789
Thu nhập khác	10.642.918	30.783.585
	<b>464.465.506</b>	<b>362.935.374</b>

**25 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	232.785.464	37.972.906
Các khoản bị phạt	51.905.724	192.614.109
Chi phí khác	11.850.053	-
	<b>296.541.241</b>	<b>230.587.015</b>

**26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	5.241.318.270	4.670.295.800
Các khoản điều chỉnh tăng	94.047.143	328.406.928
- Các khoản phạt thuế	51.905.724	192.614.109
- Lãi chênh lệch tỷ giá năm trước chưa thực hiện của tiền, công nợ phải thu năm nay đã thực hiện	141.419	45.792.819
- Thù lao HĐQT, BKS không tham gia trực tiếp điều hành	42.000.000	90.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(225.822)	(10.697.429)
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền, khoản phải thu	(225.822)	(141.419)
- Thu nhập đã tính vào doanh thu chịu thuế năm trước	-	(10.556.010)
Thu nhập chịu thuế TNDN	5.335.139.591	4.988.005.299
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>1.067.027.918</b>	<b>997.601.060</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	19.752.370	13.655.689
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	103.128.475	51.058.865
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(938.740.779)	(959.187.139)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>251.167.984</b>	<b>103.128.475</b>



**27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	4.174.290.352	3.672.694.740
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.174.290.352	3.672.694.740
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.141.928	2.141.928
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.949</b>	<b>1.715</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hàng năm.

**28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	160.837.826.646	140.887.977.047
Chi phí nhân công	25.395.446.313	22.712.775.878
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.404.620.217	1.127.584.446
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.814.010.349	13.792.330.969
Chi phí khác bằng tiền	8.176.815.746	6.036.591.772
	<b>211.628.719.271</b>	<b>184.557.260.112</b>

**29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.820.170.711	-	11.380.970.497	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.066.574.207	(2.172.078.985)	20.432.654.431	(2.434.128.985)
	<b>48.886.744.918</b>	<b>(2.172.078.985)</b>	<b>31.813.624.928</b>	<b>(2.434.128.985)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017			
	VND	01/01/2017		
		VND		
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ		12.464.679.019	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác		32.495.757.601	20.944.452.087	
Chi phí phải trả		1.405.238.917	131.261.523	
		<b>46.365.675.537</b>	<b>21.075.713.610</b>	



## 29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.820.170.711	-	13.820.170.711
Phải thu khách hàng, phải thu khác	32.714.495.222	180.000.000	32.894.495.222
	<b>46.534.665.933</b>	<b>180.000.000</b>	<b>46.714.665.933</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.380.970.497	-	11.380.970.497
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.958.525.446	40.000.000	17.998.525.446
	<b>29.339.495.943</b>	<b>40.000.000</b>	<b>29.379.495.943</b>

**29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>			
Vay và nợ	8.564.679.019	3.900.000.000	12.464.679.019
Phải trả người bán, phải trả khác	32.495.757.601	-	32.495.757.601
Chi phí phải trả	1.405.238.917	-	1.405.238.917
	<u>42.465.675.537</u>	<u>3.900.000.000</u>	<u>46.365.675.537</u>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>			
Vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	20.944.452.087	-	20.944.452.087
Chi phí phải trả	131.261.523	-	131.261.523
	<u>21.075.713.610</u>	<u>-</u>	<u>21.075.713.610</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**31 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Theo lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp sản phẩm ngành in, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

**Theo khu vực địa lý:**

Xem chi tiết Phụ lục 05.





### 32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>			
Công ty CP Thương mại và In Trường Đạt	Cổ đông	121.784.018	127.105.847
Công ty TNHH Giấy vi tính Liên Sơn	Thành viên HĐQT là chủ sở hữu vốn	14.840.045	10.728.250
<b>Mua nguyên vật liệu</b>			
Công ty CP Thương mại và In Trường Đạt	Cổ đông	1.048.131.987	1.156.100.655
Công ty TNHH Giấy vi tính Liên Sơn	Thành viên HĐQT là chủ sở hữu vốn	762.800.000	303.725.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:


	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>			
Công ty CP Thương mại và In Trường Đạt	Cổ đông	240.138.706	263.755.093
Công ty TNHH Giấy vi tính Liên Sơn	Thành viên HĐQT là chủ sở hữu vốn	82.280.000	98.010.000

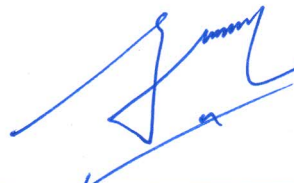
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:



	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	1.244.885.505	1.183.279.641
- Trong đó, thu nhập của Tổng Giám đốc	327.109.811	310.037.035

### 33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

  
Nguyễn Thị Thoan  
Người lập biểu

  
Ngô Xuân Giảng  
Kế toán trưởng

  
  
Phạm Quang Thiệp  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2018

**Phụ lục 01 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	7.091.246.163	53.411.180.090	2.532.834.168	266.653.429	63.301.913.850
Số tăng trong năm	1.285.216.992	12.447.249.795	-	-	13.732.466.787
- <i>Mua trong năm</i>	1.285.216.992	12.447.249.795	-	-	13.732.466.787
Số giảm trong năm	(792.461.010)	(100.000.000)	-	-	(892.461.010)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(792.461.010)	(100.000.000)	-	-	(892.461.010)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.584.002.145</b>	<b>65.758.429.885</b>	<b>2.532.834.168</b>	<b>266.653.429</b>	<b>76.141.919.627</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	3.917.159.160	50.227.189.402	2.060.140.664	263.969.085	56.468.458.311
Số tăng trong năm	456.952.889	1.806.446.020	92.286.972	2.684.344	2.358.370.225
- <i>Khấu hao trong năm</i>	456.952.889	1.806.446.020	92.286.972	2.684.344	2.358.370.225
Số giảm trong năm	(289.545.546)	(100.000.000)	-	-	(389.545.546)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(289.545.546)	(100.000.000)	-	-	(389.545.546)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.084.566.503</b>	<b>51.933.635.422</b>	<b>2.152.427.636</b>	<b>266.653.429</b>	<b>58.437.282.990</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	3.174.087.003	3.183.990.688	472.693.504	2.684.344	6.833.455.539
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>3.499.435.642</b>	<b>13.824.794.463</b>	<b>380.406.532</b>	<b>-</b>	<b>17.704.636.637</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 9.819.810.763 VND;  
 - Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 53.811.829.769 VND





**Công ty Cổ phần In Hàng Không**

Số 200 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Phụ lục 02 : VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn	-	-	10.364.679.019	3.000.000.000	7.364.679.019	7.364.679.019
- Ông Bùi Quốc Dũng <sup>(1)</sup>	-	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	2.000.000.000
- Ông Nguyễn Văn Chính	-	-	700.000.000	700.000.000	-	-
- Bà Phạm Thị Chín	-	-	2.300.000.000	2.300.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương <sup>(2)</sup>	-	-	2.269.358.148	-	2.269.358.148	2.269.358.148
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội <sup>(3)</sup>	-	-	3.095.320.871	-	3.095.320.871	3.095.320.871
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	1.799.999.915	599.999.915	1.200.000.000	1.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương <sup>(4)</sup>	-	-	1.799.999.915	599.999.915	1.200.000.000	1.200.000.000
	-	-	<b>12.164.678.934</b>	<b>3.599.999.915</b>	<b>8.564.679.019</b>	<b>8.564.679.019</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (4)	-	-	5.999.999.915	899.999.915	5.100.000.000	5.100.000.000
	-	-	<b>5.999.999.915</b>	<b>899.999.915</b>	<b>5.100.000.000</b>	<b>5.100.000.000</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(1.799.999.915)	(599.999.915)	(1.200.000.000)	(1.200.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	<b>3.900.000.000</b>	<b>3.900.000.000</b>



**Phụ lục 02 : VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Khoản vay Ông Bùi Quốc Dũng theo Hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 01/2017/IHK-CBCNV/VAYNH ngày 27/12/2017, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất vay 7,0%/năm. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Hình thức đảm bảo khoản vay: tín chấp.
- (2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo Giấy nhận nợ kèm Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2017-HĐCVHM/NHCT128 ngày 22/05/2017, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất vay 7,0%/năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Không có tài sản đảm bảo.
- (3) Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01/2017/40243/HĐTD ngày 28/12/2017 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội và Công ty Cổ phần In Hàng Không, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 8,2%/năm. Mục đích vay: thanh toán tiền mua vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Không có tài sản đảm bảo.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (4) Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2017 - HĐCVĐA/T/NHCT128 ngày 05/05/2017 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương với Công ty Cổ phần In Hàng Không, thời hạn vay 05 năm, lãi suất vay 9%/năm. Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 5.100.000.000 đồng, trong đó số nợ phải trả trong 12 tháng tới là 1.200.000.000 đồng. Mục đích vay: Đầu tư máy in Flexo 4 màu đã qua sử dụng.





**Phụ lục 03 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2017		Năm 2017		31/12/2017	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng		365.297.527	5.188.075.735	4.397.767.781	-	1.155.605.481
- Thuế Xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	2.369.131.311	2.369.131.311	-	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp		103.128.475	1.086.780.288	938.740.779	-	251.167.984
- Thuế Thu nhập cá nhân	20.093.667	7.425.000	281.560.121	199.178.890	-	69.712.564
- Thuế Nhà đất và tiền thuế đất	-	-	820.767.839	820.767.839	-	-
- Các loại thuế khác	2.000.000	-	5.339.286	5.339.286	2.000.000	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.250.838	4.000.000	4.000.000	-	2.250.838
	<b>22.093.667</b>	<b>478.101.840</b>	<b>9.755.654.580</b>	<b>8.734.925.886</b>	<b>2.000.000</b>	<b>1.478.736.867</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**Phụ lục 04 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND			VND	VND	
Số dư đầu năm trước	21.419.280.000		767.816.456	520.378.354	4.738.132.356		27.445.607.166
Lãi trong năm trước	-		-	-	3.672.694.740		3.672.694.740
Trả cổ tức	-		-	-	(3.105.795.600)		(3.105.795.600)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban điều hành	-		-	-	(352.513.231)		(352.513.231)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>21.419.280.000</b>		<b>767.816.456</b>	<b>520.378.354</b>	<b>4.952.518.264</b>		<b>27.659.993.074</b>
Lãi trong năm nay	-		-	-	4.174.290.352		4.174.290.352
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban điều hành (*)	-		-	-	(555.542.527)		(555.542.527)
Trả cổ tức (*)	-		-	-	(2.570.313.600)		(2.570.313.600)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-		367.269.474	-	(367.269.474)		-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>21.419.280.000</b>		<b>1.135.085.930</b>	<b>520.378.354</b>	<b>5.633.683.015</b>		<b>28.708.427.299</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 73/NQ/ĐHĐCĐ-CPINHK ngày 19/05/2017 như sau:

	Số tiền
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	367.269.474
- Trích thưởng cho bộ máy quản lý điều hành	250.000.000
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	305.542.527
- Chi trả cổ tức	2.570.313.600
	<b>3.655.125.601</b>





**Phụ lục 05 : BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

	Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	Đà Nẵng	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	190.914.677.004	25.588.693.611	490.614.554	216.993.985.169
Tài sản bộ phận	70.923.605.434	9.762.185.639	143.211.383	80.829.002.456
Tổng chi phí mua TSCĐ	12.447.249.795	1.285.216.992	-	13.732.466.787

